TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 02 – 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Phú Lộc, ông Huỳnh Tấn Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Phát Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 11/7/1985 (căn cước 089185011358); cư trú tại: số 554, ấp PH, xã CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* ông Hà Hữu T, sinh năm 1983 (căn cước 089083026364); cư trú tại: số 16, tổ 01, ấp MP, xã MĐ, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông T do gia đình hai bên mai mối và sau 3 tháng tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ vào ngày 06/12/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khi sinh con vào năm 2018 thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ăn uống riêng và sinh hoạt riêng từ năm 2018 cho đến nay. Cả hai đã nhiều lần tìm cách để giải quyết nhưng vẫn không có kết quả, hiện đã sống ly thân hơn 01 (một) tháng nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Hà Gia L, sinh ngày 31/12/2018, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung hàng tháng 1.170.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Hà Hữu T vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng bà thống nhất theo mức cấp dưỡng 1.200.000đ/tháng như ông T đề xuất. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Bị đơn ông Hà Hữu T thống nhất ly hôn và đồng ý giao con chung tên Hà Gia L cho bà Nhung tiếp tục nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng 1.200.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã MĐ, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nhung và ông T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ theo giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 06/12/2018. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã

không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng bà Nhung cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa ông T thống nhất ly hôn với bà Nhung. Căn cứ Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều, điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nhung là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: xét thấy, bà Nhung và ông T thống nhất con chung do bà Nhung trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Hơn nữa, con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà Nhung. Do đó, để ổn định về tâm lý, môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng sự thống nhất của các đương sự và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Hà Gia L cho bà Nhung trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: bà Nhung và ông T thống nhất ông T sẽ cấp dưỡng cho con chung hàng là 1.200.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Xét thấy, sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng, thời gian và phương thức cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: bà Nhung phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 58; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Tuyết N được ly hôn với ông Hà Hữu T.

- Về con chung: bà Phạm Thị Tuyết N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Hà Gia L, sinh ngày 31/12/2018.

- Về cấp dưỡng: ông Hà Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Hà Gia L, sinh ngày 31/12/2018 hàng tháng là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí dân sự:

+ Bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011568 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

+ Ông Hà Hữu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con.

- Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã MĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang